

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **264/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 10/6/2020

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Anh Chiến;
2. Ông Châu Vũ Bình

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Dương Kim Cương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:**  
Ông Phạm Minh Thanh – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2020/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh T, sinh năm 1976; Địa chỉ: ấp N, xã P, huyện G, tỉnh G;

2. *Bị đơn:* Chị B, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp N, xã P, huyện G, tỉnh G

Anh T, chị B có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 02 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh T trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị B cưới nhau vào năm 1993 và có đăng ký kết hôn vào năm 1996. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hạnh phúc, cuộc sống chung có nhiều bất đồng dẫn đến không còn tình cảm với chị B. Anh thừa nhận có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và vẫn còn chung sống như vợ chồng. Anh và chị B đã ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Nay Anh thấy vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn được nên anh yêu cầu ly hôn với chị B

- Về con chung: Có ba con chung tên Nguyễn Thị Mộng Trinh, sinh ngày 25/7/1995, Nguyễn Thị Mộng Huỳnh, sinh ngày 14/7/1999, Nguyễn Hồng Minh Vy, sinh ngày 15/02/2011. Hiện cháu Trinh, cháu Huỳnh đã trưởng thành, cháu Vy đang sống cùng với chị B. Khi ly hôn anh để chị B được quyền trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung: Không có

*Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị B trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của anh T về thời gian chung sống và có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T ngoại tình với người phụ nữ khác, chị đã nhiều lần khuyên nhủ, gia đình hai bên cũng khuyên nhủ nhưng anh T vẫn tiếp tục ngoại tình. Chị và anh T đã ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Nay anh T yêu cầu ly hôn chị không đồng ý và xin đoàn tụ.

- Về con chung: Có ba con chung tên Nguyễn Thị Mộng Trinh, sinh ngày 25/7/1995, Nguyễn Thị Mộng Huỳnh, sinh ngày 14/7/1999, Nguyễn Hồng Minh Vy, sinh ngày 15/02/2011. Hiện cháu Trinh, cháu Huỳnh đã trưởng thành, cháu Vy đang sống cùng với chị. Khi ly hôn chị đồng ý trực tiếp nuôi cháu Vy.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị đồng ý anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Vy đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung: Không có

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với chị B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh T và chị B cưới nhau vào năm 1993, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G vào năm 1996 là phù hợp với Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Quá trình vợ chồng

chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T khai là do vợ chồng sống không hạnh phúc, cuộc sống chung có nhiều bất đồng. Còn theo chị B khai là do anh T ngoại tình nên xin ly hôn với chị.

Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn giữ yêu cầu ly hôn với chị B. Phía chị B không đồng ý ly hôn xin được đoàn tụ. Xét thấy anh T và chị B đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn cho đến nay mà không giải quyết được. Nguyên nhân mâu thuẫn được xác định là do anh T không chung thủy, có quan hệ ngoại tình. Sự việc đều được anh T và chị B thừa nhận và đã xảy ra cách nay hơn 10 năm, dù được chị B và gia đình khuyên bảo nhưng anh T vẫn tiếp tục có quan hệ ngoại tình trong khi chị B không có biện pháp nào để giải quyết được mâu thuẫn trên. Chị B không đồng ý ly hôn, nhưng không nêu được biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình vợ chồng trong khi cả hai đã sống ly thân với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy đời sống hôn nhân giữa anh T và chị B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, anh T và chị B đã không còn sống chung với nhau nên vợ chồng không có khả năng để hàn gắn được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát, cho anh T ly hôn với chị B là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Xác định anh T là người vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng về nhân thân dẫn đến ly hôn.

[2.2] Về con chung: Anh T và chị B có ba con chung tên Nguyễn Thị Mộng Trinh, sinh ngày 25/7/1995, Nguyễn Thị Mộng Huỳnh, sinh ngày 14/7/1999, Nguyễn Hồng Minh Vy, sinh ngày 15/02/2011. Hiện cháu Trinh, cháu Huỳnh đã trưởng thành. Đối với cháu Vy thì anh T để chị B trực tiếp nuôi dưỡng và được chị B đồng ý. Xét thấy, hiện tại cháu Vy đang sống cùng với chị B. Để tránh xáo trộn trong cuộc sống của cháu ảnh hưởng đến việc học tập, sinh hoạt cũng như nguyện vọng của cháu muốn được trực tiếp sống cùng với chị B, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Vy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát, giao cháu Vy cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Vy đủ 18 tuổi. Chị B đồng ý với yêu cầu của anh T nên Hội đồng xét xử ghi nhận

[2.4] Về tài sản chung: Anh T và chị B không yêu cầu giải quyết

[2.5] Về nợ chung: Không có

[3] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 84, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39;

khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa anh T và chị B.

**2. Về nuôi con chung:** Giao con chung Nguyễn Hồng Minh Vy, sinh ngày 15/02/2011 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**3. Về cấp dưỡng nuôi con:** Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Hồng Minh Vy, mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị B cho đến khi thi hành án xong, anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

**3. Về án phí:** Anh T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 600.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 3460 ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo nên anh T phải nộp tiếp 300.000 đồng.

**4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.**

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Vĩnh Lộc**